

Bản án số: 107 /2018/HS-ST

Ngày: 19 - 11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Phương

2. Ông Mai Hồ Hải Thành

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Thái Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2018/HS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 21 tháng 01 năm 1997, tại Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 01 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1969; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Về nhân thân: Cai nghiện tự nguyện trong thời gian 06 tháng tại Cơ sở xã hội B theo Quyết định số 15972/QĐ-SLĐTBXH ngày 24.11.2017 của Sở Lao động, thương binh và xã hội TP Đà Nẵng.

- Bị cáo hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội B, TP Đà Nẵng theo Quyết định số 61/2018/QĐ-TA ngày 11.9.2018 của TAND quận S. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bị hại:* Ông **Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1997; địa chỉ: Tổ 21, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

** Người có quyền lợi và vụ liên quan:* Bà **Lê Thị B**, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số 45 L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21.7.2018, Nguyễn Văn N rủ anh Nguyễn Hoàng N đến uống cà phê tại quán H trên đường L, thuộc phường T, quận S, TP Đà Nẵng. Anh N đồng ý và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu đen, mang biển kiểm soát 43E1 - 468.99 đến chở N. Sau khi đến quán cà phê H, anh N đi có công việc riêng, còn N uống cà phê một mình. Trong lúc ngồi chờ anh N trở về, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh N để lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Một lúc sau, anh N quay trở lại quán cà phê để uống cà phê với N. Trong lúc ngồi uống cà phê, N giả vờ hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 43E1 - 468.99 của anh N để chạy thử. Anh N tưởng thật nên đưa xe cho N. Sau khi mượn được xe, N mang đến nhà chị Lê Thị B cầm lấy số tiền 9.000.000 đồng và viết giấy xác nhận nợ với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền cầm được xe, N dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu đen mang biển kiểm soát: 43E1-468.99. (Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Hoàng N theo Quyết định xử lý vật chứng số: 52 ngày 21.8.2018 của Cơ quan CSĐT CA quận S).

- 01 giấy xác nhận nợ (bản pho to);

Tại Kết luận số: 58/2018/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 03.8.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận S xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu

AirBlade màu đen mang biển kiểm soát: 43E1-468.99 có giá trị là 36.540.000 đồng;

Qua điều tra xác định: Khi mang xe đến cầm cho bà Lê Thị B, Nguyễn Văn N nói là xe của gia đình, giấy tờ xe gia đình đang cất và cầm với số tiền 10.000.000 đồng; chị Lê Thị B đưa cho Nguyễn Văn N số tiền 9.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng là tiền lãi, khi nào N trả tiền sẽ tính toán số tiền lãi này sau và nói N viết giấy xác nhận nợ với số tiền 10.000.000 đồng.

*** Về phần dân sự:**

- Ông Nguyễn Hoàng N đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Bà Lê Thị B yêu cầu Nguyễn Văn N trả lại số tiền 9.000.000 đồng.

* Người bị hại ông Nguyễn Hoàng N xác nhận khoảng 20 giờ ngày 21/7/2018, ông N có cho Nguyễn Văn N mượn xe biển kiểm soát: 43E1-468.99 để chạy thử nhưng sau đó N mang xe đi luôn và không quay lại.

* Người có quyền lợi và N vụ liên quan bà Lê Thị B xác nhận khoảng 21 giờ ngày 21/7/2018, khi tôi đang ở nhà thì N đến hỏi mượn tôi số tiền 10.000.000 đồng và cầm cố chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát: 43E1-468.99. Tôi không biết nguồn gốc chiếc xe do N phạm tội mà có nên cầm với số tiền 9.000.000 đồng.

Lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn N.

Cáo trạng số 95/CT- VKS ngày 26/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị can Nguyễn Văn N về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, vai trò của bị cáo; đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị B số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi và N vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan cũng như các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21.7.2018, tại quán cà phê H trên đường L, thuộc phường T, quận S, TP Đà Nẵng, Nguyễn Văn N đã dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ mượn xe để chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu đen,

mang biển kiểm soát 43E1 - 468.99 trị giá 36.540.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng N để mang đi cầm lấy số tiền 10.000.000 đồng để tiêu xài.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật nên vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/7/2018, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối vờ mượn của ông Nguyễn Hoàng N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 43E1 - 468.99 để chạy thử, ông N tưởng thật nên đã giao xe cho bị cáo mượn, nhưng với ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác nên khi có được tài sản, bị cáo đã đem đi cầm cho chị Lê Thị B với số tiền 9.000.000 đồng. Số tiền có được, bị cáo tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi này phải được xử lý mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra biết ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu. Do đó cần vận dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và N vụ liên quan bà Lê Thị B vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện bà có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, yêu cầu trên của bà Lê Thị B là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với Điều 48 BLHS; Điều 584, 586 và 589 BLDS nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với bà Lê Thị B, khi nhận cầm xe mô tô nhãn hiệu AirBlade màu đen, mang biển kiểm soát 43E1 - 468.99 không biết đây là tài sản do N phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là có căn cứ. HĐXX không đề cập đến.

Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[8]. Án phí DS.ST: Bị cáo phải chịu 450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N **18** (*Mười tám*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lê Thị B số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí HS-ST: 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí DS-ST 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi và N vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh